

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KCNKKT-TNMT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

V/v hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp
giấy phép môi trường dự án của
Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh.

Kính gửi: Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh.
(Địa chỉ: KCN Giang Điền, phường Tam Phước
và xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).

Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất đồ gỗ (tủ, bàn, ghế) với công suất 88.000 sản phẩm/năm (tương đương 63.500 tấn sản phẩm/năm)” tại đường số 1 và đường số 14, KCN Giang Điền, phường Tam Phước và xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai kèm theo Văn bản số 01/GPMT-VHT ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh (viết tắt là Chủ dự án).

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án nêu trên (kèm theo các bản sao biên bản liên quan), Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai thông báo và đề nghị như sau:

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung. Đề nghị Chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án hoặc giải trình cụ thể đối với các ý kiến mà Chủ dự án bảo lưu, đồng thời phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

- Rà soát lại toàn bộ nội dung của báo cáo đề xuất cấp phép môi trường để đảm bảo thống nhất và phù hợp với quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo theo các nội dung thảo luận, trao đổi giữa thành viên Hội đồng thẩm định với chủ dự án đầu tư.

- Các thông tin, số liệu trong hồ sơ nghị cấp GPMT sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện phải đảm bảo tính rõ ràng, chính xác, tin cậy, đầy đủ. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đề nghị cấp GPMT và các giải trình trong hồ sơ đề nghị cấp GPMT.

Chương I. Thông tin chung về dự án đầu tư

- Làm rõ và thống nhất trong báo cáo Công ty thuê lại đất, nhà xưởng và các công trình phụ trợ với diện tích 14.436,2 m² của Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền hay chuyển nhượng tài sản.

- Phạm vi, công suất đề xuất: Xem lại quy mô của dự án và thống nhất trong toàn báo cáo (hiện báo cáo đang sai chính tả, nhầm lẫn số 0).

- Diện tích các hạng mục công trình (trang 7): Làm rõ những hạng mục nào sẽ mở rộng, xây dựng thêm tại địa điểm thuê mới. Làm rõ các công trình xử lý khí thải (và nước thải nếu có) bố trí ở đâu và nằm trong diện tích của hạng mục nào. Lưu ý, đảm bảo tuân thủ quy hoạch mặt bằng được phê duyệt; không được bố trí công trình ảnh hưởng đến diện tích cây xanh, giao thông nội bộ cũng như phòng cháy chữa cháy tại dự án (bảng các hạng mục công trình không thấy bố trí các hệ thống này).

- Rà soát, bổ sung tính toán, đánh giá cân bằng vật chất của dự án (nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu, hóa chất và thành phẩm, chất thải phát sinh), đảm bảo phù hợp với bản chất của dự án, từ đó có các giải pháp thu gom, xử lý phù hợp.

- Quy trình sản xuất:

+ Làm rõ đặc tính nguyên vật liệu gỗ đầu vào (độ ẩm, quy cách,...) để thuận tiện cân bằng vật chất.

+ Làm rõ nguyên liệu đầu vào là dạng tấm hay dạng khối hoặc dạng khác.

+ Mô tả kỹ và chi tiết các công đoạn sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ. Công đoạn chà nhám, công đoạn sử dụng keo để dán, ghép gỗ công nhân quét bằng chổi quét, công đoạn sơn.

+ Bổ sung làm rõ công nghệ chà thô, chà tinh (sau sơn) vì trong danh mục nguyên liệu chỉ có 01 loại giấy nhám.

+ Đối với công đoạn sơn cần làm rõ công nghệ phun (tự động hay bán tự động; có công đoạn pha sơn hay không); làm rõ sơn tại buồng kín/màng nước hay vách ngăn; làm rõ công đoạn sau sơn (để khô tự nhiên hay sấy).

+ Làm rõ kỹ thuật, thiết bị làm khô sau dán keo và sơn (để khô tự nhiên hay sấy) và biện pháp thu gom nhiệt, hơi hóa chất phát sinh.

+ Xác định phương pháp sơn sử dụng tại dự án: tỉ lệ giữa sơn ướt và khô; góc nước hay góc dầu để có số liệu về sơn khô, lượng dung môi hữu cơ sử dụng. Xem xét sử dụng sơn có thành phần thân thiện với môi trường.

+ Rà soát lại dự án có sử dụng buồng sơn nước không hay 100% sẽ chuyển đổi thành buồng sơn khô.

- Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu: Bổ sung than hoạt tính sử dụng.
- Bổ sung tóm tắt đặc tính (kèm MSDS) của hóa chất sử dụng (keo, sơn, dung môi,...).
- Danh mục máy móc, thiết bị: Rà soát thống nhất đầy đủ số lượng máy móc thiết bị phục vụ cho dự án, bổ sung lò hơi, các thiết bị xử lý chất thải, bảo vệ môi trường. Bổ sung công suất sản xuất, năm sản xuất của máy móc thiết bị để minh chứng khả năng sản xuất.
- Làm rõ có hay không những những thay đổi so với nhà máy cũ về công suất sản xuất, quy trình sản xuất, nguyên vật liệu và công trình bảo vệ môi trường để sử dụng toàn bộ máy móc cũ di dời.
- Làm rõ phế liệu/hàng lỗi của quá trình hoạt động sản xuất sẽ được xử lý như thế nào.

Chương II. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch, khả năng chịu tải của môi trường

- Làm rõ sự phù hợp với loại hình thu hút đầu tư vào KCN Giang Điền (thuộc danh mục nào, mã nào).
- Làm rõ hiện trạng tiếp nhận, xử lý nước thải của KCN Giang Điền và đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải phát sinh từ cơ sở vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

Chương IV. Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án đầu tư và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

a) Về nước thải:

- Cần làm rõ có sử dụng nước trong quá trình vệ sinh máy móc, nhà xưởng không, nếu có cần đánh giá các tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu cho phù hợp.
- Đảm bảo thu gom triệt để nước thải phát sinh và xử lý theo quy định; đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom nước thải.
- Làm rõ giới hạn đầu nối nước thải của dự án vào KCN Giang Điền để đánh giá việc có hay không xử lý cục bộ trước khi đầu nối (trang 27, so sánh với QCVN 14: 2024/BTNMT, cột A cho thấy các thông số vượt nên cần thu gom, xử lý nhưng không thấy đề cập công trình xử lý). Xem xét việc lắp đặt hệ thống xử lý nước thải vì theo đánh giá của chủ dự án thì nước thải sinh hoạt vượt giới hạn tiếp nhận của KCN.

b) Xử lý bụi, khí thải:

- Nhận định trang 39 chưa phù hợp (*bụi từ chà nhám tinh có kích thước lớn*). Báo cáo cần phân biệt rõ nguồn phát sinh các loại bụi gỗ từ các công đoạn

khác nhau.

- Mô tả chi tiết mạng lưới thu gom bụi gỗ từ các nguồn phát sinh về hệ thống xử lý bụi túi vải (theo sơ đồ trang 77) chưa phù hợp so với bản vẽ đính kèm (*có cyclone thu gom bụi từ hệ túi vải về nhà chứa và có hồi lưu khí sau cyclone về hệ thống optiflow thu bụi trong nhà xưởng*); ngoài ra, bản vẽ thiết kế không thể hiện số ống thải ra môi trường.

- Hệ thống xử lý bụi sơn: Làm rõ cấu tạo của buồng sơn (có bố trí tấm lọc bụi tại từng buồng sơn trước khi qua lớp than hoạt tính hay không, nếu có làm rõ thông số kỹ thuật và bổ sung vào chất thải phát sinh).

- Phân biệt nguồn phát sinh khí thải và dòng khí thải để có mô tả chính xác. Bổ sung thông tin nguồn khí thải từ hoạt động lò hơi. Rà soát, bổ sung các nguồn phát sinh còn thiếu để có đánh giá dự báo và có biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý phù hợp (nguồn từ công đoạn dán keo và sấy).

- Bổ sung kết quả đo đạc khí thải sau xử lý trong thời gian qua ở địa điểm cũ (nếu có) để xem xét tiếp tục áp dụng quy trình xử lý, thiết bị mà không có cải tạo hệ thống trong khi quy chuẩn mới có ngưỡng yêu cầu thấp hơn.

- Hệ thống xử lý bụi từ gia công gỗ: Làm rõ đặc tính của bụi phát sinh từ quá trình gia công gỗ để có bố trí thêm thiết bị xử lý bụi gỗ dạng thô trước lọc bụi túi vải, vừa tăng cường hiệu quả xử lý, đồng thời giảm áp lực, rủi ro lên các túi vải trong quá trình xử lý, tránh xảy ra sự cố rách túi vải cũng như tần suất thay thế, hư hao túi vải thường xuyên. Tính toán lại công suất hệ thống xử lý bụi (công suất quạt hút phải lớn hơn lưu lượng khí thải phát sinh để đảm bảo thu gom triệt để đưa về thiết bị xử lý, trong khi báo cáo đang tính ngược lại, công suất quạt chỉ khoảng 75% lưu lượng phát sinh). Kiểm tra lại số liệu các thông số trong bảng số liệu kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi (đường ống chính $D = 850$ mm nhưng kích thước ống thải $D = 800$ mm, chỉ cao 10 m như trang 79 là không phù hợp).

+ Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ dán keo, sơn và làm khô: Làm rõ diện tích các buồng sơn, số lượng nguồn khí thải phát sinh, lưu lượng khí thải phát sinh được thu gom, đưa về từng hệ thống xử lý để xác định công suất hệ thống. Xác định phương pháp sơn (sơn ướt, sơn khô tĩnh điện,...), thành phần nguyên vật liệu keo, sơn và kỹ thuật làm khô để làm rõ đặc tính bụi, khí thải từ quá trình các quá trình này, từ đó làm cơ sở cho việc đề xuất quy trình xử lý phù hợp trang 80, 81. Rà soát lại lượng sơn, keo sử dụng, hệ số bay hơi dung môi hữu cơ để tính toán lại lượng dung môi hữu cơ thất thoát bay hơi (trang 40: 4.320 kg/năm so với đầu vào 270 tấn keo, sơn, dung môi là chưa phù hợp) để làm cơ sở tính toán với lượng than hoạt tính (lượng dung môi hữu cơ bay hơi cần xử lý là 4.320 kg/năm nhưng than hoạt tính thải chỉ có 624 kg/năm là không phù hợp). Bổ sung lại đầy đủ các thông số kỹ thuật, chế độ vận hành cho các hệ thống xử lý khí thải

và bản vẽ đi kèm.

- Mô hình lan truyền ô nhiễm: xác định rõ thành phần sơn để xác định các thông số tính toán, mô phỏng lan truyền ô nhiễm. Làm rõ sự phù hợp lựa chọn mô hình Meti-Lis khi dự án có nhiều nguồn thải và nhiều thông số khác nhau. Làm rõ các kịch bản tính toán, mô phỏng lan truyền.

c) Về chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, gồm: vị trí, chức năng, các thông số kỹ cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về BVMT trong quá trình lưu giữ chất thải.

- Đảm bảo việc phân loại, lưu giữ và thiết kế khu vực lưu giữ CTRTT, CTNH và chuyên giao cho đơn vị có chức năng theo quy định.

- Bổ sung hệ số phát sinh để tính toán khoa học và cân bằng lại vật chất để xác định lại khối lượng các danh mục. Làm rõ lượng bụi thu gom và sản phẩm lỗi tái sử dụng và thải bỏ.

- Kiểm tra, tính toán lại khối lượng than hoạt tính thải cho phù hợp (trương thích với lượng chất hữu cơ cần xử lý).

- Tiếng ồn: Cập nhật các nguồn ồn và các QCVN về tiếng ồn (QCVN 26:2025/BTNMT).

d) Về phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường:

- Rà soát, bổ sung đầy đủ phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường từng công đoạn, công trình bảo vệ môi trường của dự án và các cơ quan, bộ phận liên quan. Xây dựng sơ đồ phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, trong đó có đề cập đầy đủ thông tin các đơn vị, cá nhân làm việc liên quan để liên hệ, kịp thời xử lý sự cố môi trường xảy ra.

- Hệ thống xử lý bụi có công suất rất lớn nên cần bổ sung biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý. Trong trường hợp có sự cố đối với hệ thống thu gom, xử lý khí thải, chủ đầu tư phải có các phương án dự phòng liên quan để khắc phục sự cố kịp thời hoặc dừng sản xuất để không tiếp tục xả thải vào môi trường tiếp nhận.

Chương V. Nội dung đề nghị cấp phép môi trường

- Rà soát lại các nội dung đề xuất cấp phép môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ, phù hợp với tính chất, quy mô hoạt động của dự án.

- Về nước thải: Rà soát lại nguồn thải, dòng thải, thông số ô nhiễm, giới

hạn tiếp nhận nước thải của KCN Giang Điền cho phù hợp.

- Về khí thải:

+ Cập nhật các nguồn thải còn thiếu. Cập nhật số lượng, lưu lượng dòng thải nếu có thay đổi. Xem xét các thông số hữu cơ đi kèm dòng thải (có thể đề xuất TVOCs).

+ Cần chọn thông số thành phần khí thải trong sản xuất để giám sát và theo dõi phù hợp với dự án sản xuất.

- Về tiếng ồn, độ rung:

+ Xác định rõ nguồn phát sinh nhất là các máy móc thiết bị trên các dây chuyền sản xuất, hệ thống xử lý khí thải, từ đó mô tả công trình, biện pháp, bảo vệ môi trường của tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn Việt Nam.

+ Mô tả trong báo cáo nguồn do sử dụng máy phát điện, kèm tọa độ (nếu có).

- CTNH: rà soát danh mục và khối lượng cho phù hợp.

Chương VI. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường của dự án

- Rà soát bổ sung đúng, đầy đủ thông số ô nhiễm phải quan trắc.

- Khí thải: Cập nhật số lượng, lưu lượng và thông số theo dòng thải nếu có thay đổi.

Chương VII: Cam kết

Đề nghị Chủ dự án cam kết đảm bảo duy trì vận hành hệ thống xử lý chất thải ổn định, không để xảy ra sự cố khi lắp đặt và khi đi vào hoạt động chính thức; cần tạo môi trường nhà xưởng thông thoáng, trang bị các phương tiện an toàn lao động khi dự án hoạt động.

Phụ lục:

- Bổ sung bản vẽ tổng mặt bằng thể hiện đầy đủ vị trí các hạng mục công trình của dự án; bản vẽ thu gom nước mưa, nước thải, vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải (Lưu ý: phải có đóng dấu của Chủ dự án).

- Các bản vẽ thiết kế của các hệ thống xử lý khí thải.

- Bổ sung đầy đủ MSDS của các hoá chất được sử dụng vào trong phần phụ lục của báo cáo.

2. Trong thời hạn tối đa 12 tháng, kể từ ngày có văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai, Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và gửi về Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai (thông qua bộ phận

tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Nai) để rà soát, kiểm tra kết quả chỉnh sửa trước khi xem xét, cấp Giấy phép môi trường cho dự án theo quy định.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai thông báo để Chủ dự án biết và thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Như trên;
- Trung tâm PVHCC tỉnh Đồng Nai;
- Lưu VT, MT (NT).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Trọng Tiến